TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 6 – 2024.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Tính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Phương Anh**

2. Bà **Kim Thị Sà Mết**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thúy Hằng**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Xuân** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 110/2024/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp N, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp N, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày: Về hôn nhân: Năm 1992, bà O tự nguyện chung như vợ chồng với ông Huỳnh Văn T nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống giữa bà O với ông T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hợp tính tình do ông T có tính gia trưởng, ghen tuông mù quáng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không còn đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đã sống ly thân hơn 06 tháng nay. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa nên bà O yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà O và ông T là vợ chồng.

Về con chung, bà O và ông T chung sống có 01 người con chung tên Huỳnh Vũ L, sinh ngày 29/02/1993, hiện đã trưởng thành và công việc ổn định, tự nuôi sống được bản thân nên bà O không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà O và ông T chung sống có tạo lập được 01 phần đất nhà ở, vườn tạp do bà O và ông T nhận chuyển nhượng của bà Đặng Thị X chiều ngang 09m, chiều dài khoảng 30m đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T và bà O cùng đứng tên. Trên phần đất này, có 01 căn nhà cấp 4, kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường xây, mái lợp tol lạnh + xi măng, trần la phong, nền gạch men, chiều ngang 6m x dài khoảng 25 mét, xây dựng khoảng năm 2010, giá trị xây dựng khoảng 300.000.000 đồng. Hiện nay căn nhà này ông T và Huỳnh Vũ L đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra, bà O và ông T còn nhận chuyển nhượng của ông Lê Minh K và ông Lê Văn T1 03 công tầm cấy đất trồng lúa, do bà O và ông T cùng đứng tên quyền sử dụng đất, hiện do ông T đang canh tác. Khi ly hôn với ông T, bà O sẽ tự thoả thuận với ông T để phân chia tài sản chung nêu trên và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà O xác định trong thời gian chung sống với ông T, vợ chồng không có nợ bất kỳ tổ chức tín dụng hay cá nhân nào nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày: Ông T thống nhất lời trình bày của bà O về thời gian kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về hôn nhân: Ông T đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà O. Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông T đồng ý tự thỏa thuận với bà O, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Quá trình chung sống, ông T và bà O không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà O và ông T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bà Nguyễn Thị O và ông Huỳnh Văn T không phải là vợ chồng. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Bà O và ông T tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Bà O phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị O nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Văn T, có địa chỉ tại ấp N, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ngày 29/5/2023, bà O và ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về hôn nhân: Năm 1992, bà O và ông T tự nguyện chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà O và ông T là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Bà O yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với ông T. Ông T cũng đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà O. Căn cứ vào các điều 14, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố bà Nguyễn Thị O và ông Huỳnh Văn T không phải là vợ chồng.

[5] Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà O và ông T tự thỏa thuận và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà O và ông T thống nhất xác định trong thời gian chung sống không có nợ chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà O phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà O đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0004044 ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Bà O đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[9] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 14, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị O và ông Huỳnh Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị O và ông Huỳnh Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị O và ông Huỳnh Văn T thống nhất xác định không có và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị O phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Nguyễn Thị O đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0004044 ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Bà Nguyễn Thị O đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng Tính